Ký bởi: ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
Email: gialai@chinhphu.vn

UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2014 /QĐ-UBND	*Gia Lai, ngày 09 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Dự án xây dựng sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11/12/2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 12/12/2025 của UBND tỉnh về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo Văn bản số 2046/UBND-KTTH ngày 23/02/2026 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 569/TTr-SNNMT ngày 05/5/2026 (kèm theo Dự án xây dựng sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai) và ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại Văn bản số 4043/STC-QLGCS ngày 04/5/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Dự án xây dựng sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; nội dung chi tiết cụ thể như Dự án kèm theo.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành có liên quan và UBND các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Dự

án được phê duyệt tại Điều 1 đảm bảo hiệu quả, khả thi và đúng quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP TH;
- Lưu: VT, T4.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Tuấn Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ ÁN
XÂY DỰNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(kèm theo Quyết định số:2014/QĐ-UBND ngày 09 / 5 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

- Nghị quyết số 254/2025/QH15;

- Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Văn bản số 2046/UBND-KTTH ngày 23/02/2026 của UBND tỉnh Gia Lai về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh;

Để kịp thời thực hiện việc điều tra, khảo sát giá và xây dựng sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai báo cáo UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định theo quy định; Sở Nông nghiệp và Môi trường lập "***Dự án xây dựng sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai***".

II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Sửa đổi, bổ sung để hoàn thiện Bảng giá các loại đất năm 2026 để áp dụng trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Yêu cầu:

- Triển khai thực hiện theo đúng trình tự đã được quy định tại Nghị định số: 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024, 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 và 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ.

- Bám sát hồ sơ xây dựng Dự án Bảng giá đất lần đầu được xây dựng và ban hành tại Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định tiêu chí vị trí đối với từng loại đất và Bảng giá các loại đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm và đáp ứng được nhu cầu thực tiễn.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi

- Công tác điều tra khảo sát và xây dựng sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất theo số lượng đề nghị của UBND các xã, phường (*theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại 02 Văn bản số 1738/SNNMT-QLĐĐ ngày 25/02/2026 về việc rà soát, đề xuất bổ sung Bảng giá các loại đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh và số 3097/SNNMT-QLĐĐ ngày 28/3/2026 về việc báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai*);

- Rà soát tổng thể đất nông nghiệp (trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm và đất làm muối, nuôi trồng thủy sản…) để điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế áp dụng thời gian qua;

- Điều chỉnh tên, đoạn đường hoặc cần thiết điều chỉnh đơn giá một số tuyến, đoạn đường đối với Bảng giá đất ở;

- Bổ sung các tuyến đường hoặc Khu tái định cư, Khu dân cư mới hình thành sau ngày Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng: Tổ chức có đăng ký hoạt động kinh doanh dịch vụ xác định giá đất hoặc kinh doanh dịch vụ thẩm định giá (sau đây gọi là Đơn vị tư vấn giá đất) phối hợp với các cơ quan quản lý Nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan để thực hiện dự án.

IV. NỘI DUNG VÀ KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

1. Về nội dung thực hiện

1.1. Về loại đất, khu vực, vị trí

Tại Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc ban hành quy định tiêu chí vị trí đối với từng loại đất và Bảng giá các loại đất năm 2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và đợt này chỉ điều chỉnh, bổ sung giá đất nên loại đất, khu vực, vị trí thực hiện theo Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.

1.2. Số phiếu điều tra bổ sung

Trên cơ sở báo cáo của các xã và kết quả tổng hợp, dự kiến số phiếu điều tra như sau:

a. Về đất phi nông nghiệp (đất ở)

STT	Xã, phường	Số phiếu điều tra (bổ sung, điều chỉnh)
1	Ia Chia	3
2	Bình Khê	12
3	Ia Khuol	36
4	Tam Quan	123
5	Cửu An	30

6	Đăk Song	24
7	Hoài Nhơn Tây	84
8	An Toàn	21
9	Tơ Tung	6
10	Vĩnh Sơn	87
11	Gào	3
12	An Lương	9
13	Bình Dương	6
14	Vĩnh Thạnh	9
15	Tây Sơn	6
16	Ngô Mây	3
17	Bờ Ngoong	48
18	An Nhơn Tây	6
19	An Bình	45
20	An Nhơn Bắc	33
21	Tuy Phước Đông	18
22	Ia Ko	33
23	An Nhơn Đông	60
24	Hoài Nhơn Đông	231
25	Quy Nhơn Tây	96
26	Canh Vinh	24
27	Đức Cơ	30
28	Vân Canh	6
29	Ia Krel	9
30	Bình Định	87
31	Kon Gang	72
32	Chư Păh	21
33	Ia Hao	21
34	Tuy Phước	39
35	Ia Rsai	6
36	Chư Sê	12
37	Quy Nhơn Nam	9
38	Pleiku	3
39	Ayun Pa	39
40	Ia Rbol	6
41	Hoài Nhơn	54
42	Quy Nhơn	15
43	Hoài Ân	9
44	Ia Pa	24
45	Phù Mỹ Đông	33
46	Ia Pia	15
47	TTPTQĐ	3
48	Văn phòng ĐKĐĐ	102
	Tổng	**1.671**

b. Về đất nông nghiệp: Dự kiến là 1.215 phiếu. Cụ thể: Đất nông nghiệp:135 xã, phường x 03 phiếu/xã, phường/loại đất x 03 loại đất = 1.215 phiếu;

c. Số điểm điều tra: Dự kiến 135 điểm.

2. Về kế hoạch thực hiện

Căn cứ điểm a khoản 1 Mục III Phụ lục kèm theo Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề xuất sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất như sau:

2.1. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức lập dự án xây dựng Bảng giá đất, trong đó xác định nội dung, tiến độ, dự toán kinh phí thực hiện và các nội dung liên quan.

2.2. Sở Nông nghiệp và Môi trường chuẩn bị hồ sơ thẩm định dự án sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất và gửi Sở Tài chính; Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định và gửi văn bản thẩm định hồ sơ sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất về Sở Tài nguyên và Môi trường. Hồ sơ thẩm định dự án xây dựng Bảng giá đất gồm:

a) Công văn đề nghị thẩm định dự án xây dựng Bảng giá đất;

b) Dự thảo Dự án xây dựng Bảng giá đất;

c) Dự thảo Tờ trình về việc phê duyệt dự án;

d) Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc phê duyệt dự án.

2.3. Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp thu, hoàn thiện ý kiến thẩm định và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hồ sơ dự án sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất. Hồ sơ dự án xây dựng Bảng giá đất gồm:

a) Dự án sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất sau khi đã tiếp thu, hoàn thiện ý kiến thẩm định;

b) Tờ trình về việc phê duyệt dự án;

c) Dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc phê duyệt dự án;

d) Văn bản thẩm định hồ sơ dự án sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất.

2.4. Sở Nông nghiệp và Môi trường lựa chọn tổ chức tư vấn xác định giá đất theo quy định của pháp luật về đấu thầu để sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất.

2.5. Kiện toàn Hội đồng thẩm định bảng giá đất, Tổ giúp việc của Hội đồng.

2.6. Tổ chức thực hiện định giá đất tiến hành sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất như sau:

a) Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin;

b) Rà soát Bảng giá đất hiện hành;

c) Xác định loại đất, khu vực, vị trí đất tại từng xã, phường, đặc khu;

d) Tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ kết quả điều tra, khảo sát, thu thập thông tin tại cấp xã, cấp tỉnh;

đ) Xây dựng dự thảo sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất và dự thảo báo cáo thuyết minh sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất.

2.7. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xây dựng dự thảo Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất; đăng hồ sơ lấy ý kiến đối với dự thảo sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường; lấy ý kiến bằng văn bản đối với dự thảo Bảng giá đất của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, các tổ chức thành viên của Mặt trận, cơ quan thuế, tổ chức công chứng nhà nước, tổ chức tư vấn xác định giá đất; tiếp thu, hoàn thiện dự thảo Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất; chỉ đạo tổ chức thực hiện định giá đất tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, hoàn thiện dự thảo sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất và Báo cáo thuyết minh sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất.

2.8. Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Hội đồng thẩm định Bảng giá đất hồ sơ trình thẩm định Bảng giá đất; Hội đồng thẩm định Bảng giá đất thực hiện thẩm định sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất và gửi văn bản thẩm định Bảng giá đất về Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2.9. Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức thực hiện tiếp thu, giải trình, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất theo ý kiến của Hội đồng thẩm định Bảng giá đất; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

2.10. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất, công bố công khai và chỉ đạo cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

2.11. Thời gian hoàn thành trong tháng 5/2026.

3. Về nhân lực thực hiện dự án

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện, kiểm tra, đôn đốc và đề xuất UBND tỉnh hoàn thành việc xây dựng sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất.

Sở Nông nghiệp và Môi trường thuê đơn vị tư vấn để triển khai thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 13 Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ đã được sửa đổi bởi khoản 8 Điều 1 Nghị định 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ.

V. DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Căn cứ lập dự toán

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15;

- Nghị quyết số 254/2025/QH15;

- Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở và chế độ tiền thưởng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

- Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27/6/2024 của Chính phủ quy định về giá đất; Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

- Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2024 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai;

- Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất;

- Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập, quản lý, sử dụng kinh phí chi hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường;

- Quyết định số 28/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh Quy định một số mức chi và tỷ lệ chi phí quản lý chung trong hoạt động kinh tế đối với các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Văn bản số 1003/UBND-KT ngày 12/02/2025 của UBND tỉnh về việc triển khai một số nội dung về công tác quản lý đất đai trên địa bàn tỉnh, trong đó, thống nhất cho tiếp tục áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật để lập dự toán ngân sách nhà nước phục vụ công tác định giá đất theo Thông tư số 20/2015/TT-BTNMT ngày 27/4/2015 và Thông tư số 136/2017/TT-BTC ngày 22/12/2017 của Bộ Tài chính.

- Kết quả tổng hợp các Văn bản bản của các xã, phường.

2. Giá trị dự toán: Tổng giá trị dự toán là **696.000.000 đồng** *(Sáu trăm chín mươi sáu triệu đồng)*, bao gồm VAT; nội dung chi tiết cụ thể như Phụ lục kèm theo.

3. Nguồn kinh phí thực hiện dự án: Ngân sách tỉnh phân bổ năm 2026.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường

- Tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn giá đất theo quy định pháp luật.

- Chủ trì thực hiện việc kiểm tra, nghiệm thu kết quả thu thập thông tin tại các điểm điều tra trên địa bàn cấp xã; phối hợp với đơn vị tư vấn giá đất thực hiện tổng hợp báo cáo kết quả khảo sát, điều tra giá đất tại cấp tỉnh và xây dựng dự thảo Bảng giá đất báo cáo đề xuất UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

- Thường xuyên theo dõi đôn đốc, kiểm tra tiến độ thực hiện dự án để tham mưu cho UBND tỉnh xử lý kịp thời những vướng mắc phát sinh trong thời gian đơn vị tư vấn thực hiện điều tra, khảo sát giá đất và xây dựng sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất.

- Trình Hội đồng thẩm định Bảng giá đất thực hiện thẩm định Bảng giá đất; tiếp thu, hoàn chỉnh dự thảo sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất theo ý kiến của Hội đồng thẩm định Bảng giá đất; trình UBND tỉnh để trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất theo quy định.

2. Sở Tài chính

- Thẩm định dự án sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất theo quy định.

- Tổ chức thẩm định dự thảo sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất theo quy định.

3. Sở Tư pháp

Thẩm định dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 23/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Các Sở, ban, ngành, đơn vị liên quan

Có trách nhiệm tạo điều kiện, phối hợp với đơn vị tư vấn giá đất trong quá trình điều tra, khảo sát giá đất và xây dựng sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất.

5. UBND các xã, phường

Phối hợp với đơn vị tư vấn giá đất trong quá trình điều tra, khảo sát giá đất và xây dựng sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất trên địa bàn cấp xã và xác nhận phiếu thu thập thông tin tại điểm điều tra, khảo sát.

6. Đơn vị tư vấn

- Tổ chức thực hiện điều tra, khảo sát giá đất đảm bảo đủ số lượng điểm, số lượng phiếu điều tra; về thời gian và quy trình thực hiện việc điều tra, khảo sát giá đất và xây dựng sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất theo đúng nội dung quy định của dự án này và quy định pháp luật.

- Có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện điều tra, khảo sát giá đất; lập báo cáo kết quả điều tra, khảo sát giá đất và dự thảo xây dựng sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường kiểm tra trước khi trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Có trách nhiệm thực hiện chỉnh sửa, hoàn chỉnh theo kết quả kiểm tra của Sở Nông nghiệp và Môi trường; thẩm định của Hội đồng thẩm định Bảng giá đất để Sở Nông nghiệp và Môi trường báo cáo đề xuất UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định ban hành theo quy định./.

Phụ lục

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành theo kèm Dự án xây dựng sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất năm 2026 theo Quyết định số 2014/QĐ-UBND ngày 09/ 5 /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Nội dung	Cách tính	Thành tiền (đồng)
I	**Chi phí trực tiếp**	**$A_1 = a + b + c + d$**	**551.841.407**
1	**Chi phí nhân công**	**$a = a_1 + a_2$**	**540.666.609**
	+ Ngoại nghiệp	a_1	287.187.274
	+ Nội nghiệp	a_2	253.479.335
2	**Chi phí vật liệu**	**$b = b_1 + b_2$**	**2.219.732**
	+ Ngoại nghiệp	b_1	230.256
	+ Nội nghiệp	b_2	1.989.476
3	**Chi phí dụng cụ**	**$c = c_1 + c_2$**	**3.297.871**
	+ Ngoại nghiệp	c_1	2.259.700
	+ Nội nghiệp	c_2	1.038.171
4	**Chi phí thiết bị**	**$d = d_1 + d_2$**	**5.657.195**
	+ Ngoại nghiệp	d_1	4.271.372
	+ Nội nghiệp	d_2	1.385.822
II	**Chi phí chung**	**$A_2 = A_{2.1} + A_{2.2}$**	**69.521.012**
	+ Ngoại nghiệp	$A_{2.1} = 14\% \times (a_1+b_1+c_1+d_1)$	41.152.804
	+ Nội nghiệp	$A_{2.2} = 11\% \times (a_2+b_2+c_2+d_2)$	28.368.208
III	**Chi phí điều tra, khảo sát và xây dựng Bảng giá đất (trước thuế)**	**$A = A_1 + A_2$**	**621.362.419**
IV	**Thuế giá trị gia tăng (VAT)**	**B = A x 10%**	49.708.994
V	**Chi phí điều tra, khảo sát và xây dựng Bảng giá đất sau thuế (III+IV)**	**C=A+B**	**671.071.000**
VI	**Chi phí in tài liệu họp, phát hành bảng giá đất và chi khác**	250 bộ x100.000 đồng/bộ	**25.000.000**
VII	**Tổng cộng (V+VI)**		**696.071.000**
Làm tròn			**696.000.000**